



## Trường Phi Hành Hải Quân Hoa Kỳ Pensacola

*phuợng hoàng kim cương*

### Lời cảm tạ

Với sự nhiệt tình đóng góp nhiều chi tiết của các Phuợng hoàng Phạm Đình Khuông, Lê Thuận Lợi, Tạ Thượng Tú, những hình ảnh, dữ liệu đã thu lượm được trên các trang mạng 'google.com' 'wikipedia.org' và tài liệu cá nhân, nhất là lấy trong quyển 'The Flight Jacket' cadets classes 1-48/ 1962, chúng tôi xin mạn phép được giới thiệu công lao của Trường Phi Hành Hải Quân Hoa Kỳ Pensacola đã trang bị cho KLVNCH những tài năng hiếm qui đã từng đóng góp một phần xương máu cho Thể Giới Tự Do nói chung và cho đất nước Việt Nam Cộng Hòa nói riêng.

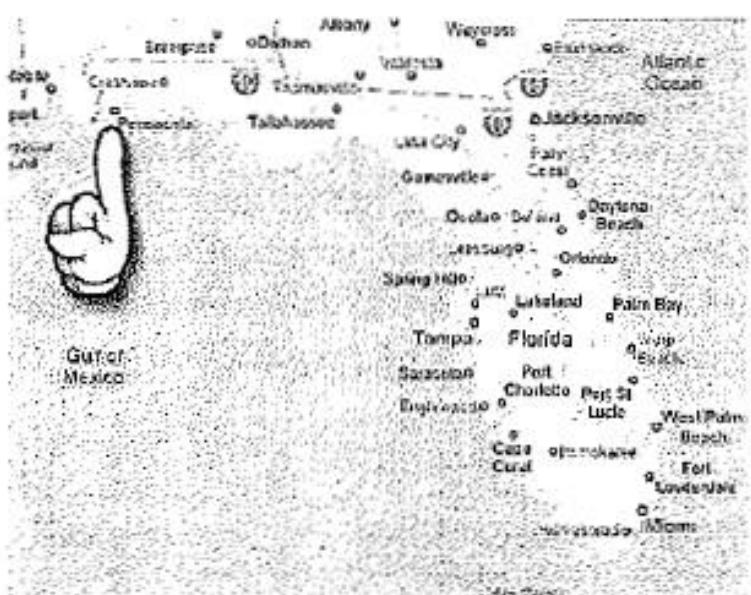
Không Quân Pháp rất kiêu hãnh về Trường Võ Bị Không Quân Salon-de-Provence (*École de l'Armée de l'Air et de l'Aéronavale Française*) thì Hoa Kỳ cũng không kém tự hào về Trường Phi Hành Hải Quân *Pensacola* (*U.S. Naval Air School Pensacola*) của họ. Trường là Cái nôi của Hàng không Hải quân Hoa Kỳ (*Cradle of Naval Aviation*), nơi đã đào tạo nhiều nhân tài, điển hình là các phi hành gia không gian, như Đề đốc hối hulu *Alan B. Shepard Jr.*, người Mỹ đầu tiên du hành trong không gian, Tr/tá *Neil A. Armstrong*, người đầu tiên đặt chân lên Nguyệt cầu, và gần đây nhứt là hai cha con cựu Tổng thống Hoa Kỳ *George H. W. Bush* và *George W. Bush*, và ứng cử viên Tổng thống, Thượng nghị sĩ Tiểu bang Arizona *John S. McCain III*.

Lịch sử Hàng không Hải quân HK bắt đầu từ *Pensacola*, thành phố đã có từ thế kỷ XVI. Mãi đến 1825 Bộ trưởng Hải quân HK mới cử một phái đoàn đi tìm đặt một căn cứ hải quân tại đây. Đến năm 1910 Hải quân Đ/úy *T.G. Ellyson* là người đầu tiên thọ giáo hai anh em *Orville* và *Wilbur Wright* và Ông *Glenn Curtiss* để học bay tại căn cứ này. Trường này đã đào tạo 999 phi công vào Thế chiến I và trên 28,000 vào Thế chiến II.

Người ta gọi nó là “*Annapolis of the Air*” Võ bị Hải Quân của Không gian. Bộ Chỉ huy Phi huấn HQHK (*Naval Air Training Command*) đã chọn nơi đây để đặt đại bản doanh. Toán phi diễn nổi tiếng của HQHK “*Blue Angels*” tạm dịch là Thiên Sứ Xanh cũng chọn nơi đây làm tổ ấm. Với những thành tích trên, chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng, “Xuất thân từ Trường *Pensacola* là những phi công ưu tú nhứt thế giới” “*Through the gates of the Naval Air Station Pensacola pass the finest pilots in the world*”.

Nằm ngay cuối cùn xoong của Tiểu bang *Florida*, sát ranh giới Nam Tiểu bang *Alabama*, dọc theo vịnh mang cùng tên là hải cảng to lớn và thành phố *Pensacola*. Khi hậu ôn hòa mát mẽ của Vịnh Mê-Tây-Cơ, rất thích hợp cho các công tác thao luyện nhoc nhăn và nhiều tập trung của trường bay. Căn cứ bay *Naval Air Station Pensacola* là một mũi đất (*langue de terre*), chiếm trọn phần còn lại phía Tây-Nam vùng vịnh, tiếp giáp thành phố trên một địa thế rộng 5,804 acres; phía Bắc là cửa sông *Bayou Grande* và phía Nam là phần còn lại của vịnh *Pensacola Bay* trước khi đi vào *Big Lagoon*; một đầu là ụ tàu *navy yard* và bãi đáp trực thăng *Chevalier Field* (1) ở Đông-Nam, và sân đánh golf *A.C. Read* (2) ở Đông-Bắc; đầu bên kia là phi trường *Forrest Sherman*

*Field (3) ở Tây-Nam.*



Bản đồ Tiểu bang Florida với ngón tay chỉ Thành phố Pensacola



Bản đồ Căn cứ NAS Pensacola tiếp nối Khu Warrington của Thành phố, với sân đánh golf AC Read ở phía Đông-Bắc và phi trường Forrest Sherman Field ở phía Tây-Nam

Chỉ một căn cứ hải quân thôi mà có tới 3 Bộ Chỉ huy đồn trú: ngay cột cờ màu xanh nước biển với một sao trắng trước tòa nhà Bldg 45 là BCH Phi huấn Căn bản *Chief of Naval Air Basic Training*, cờ với hai sao trắng trước Bldg 628 là BCH Phi huấn Hải quân *Chief of Naval Air Training*, cờ đỏ với huy hiệu binh chủng Thủy

quân Lục chiến Hoa Kỳ là BCH Liên đoàn Trợ Huấn Phi hành *Marine Aviation Training Support Group*. Không đoàn VI Phi huấn gồm Phi đoàn VT-4 *Warbucks* (Chiến lộc), Phi đoàn VT-10 *Wildcats* (Linh miêu) và Phi đoàn VT-86 *Sabrehawks* (Kiếm ưng), Phi đoàn Phi diễu *Blue Angels* và Biệt đội Trực thăng Tim Cứu *NAS Pensacola Search and Rescue Detachment*, đóng ở phi trường *Sherman Field*.

Ngoài ra, Viện Bảo tàng Quốc gia Hàng không Hải quân *National Museum of Naval Aviation* trưng bày nhiều phi cơ và phi thuyền với lịch sử của nó; Pháo đài cổ *Fort Barrancas* và Nghĩa trang *Barrancas National Cemetery* là những di tích của thời Nội chiến *Civil War*; Ngọn hải đăng *Pensacola Lighthouse*, nằm phía bên kia đường cách Viện Bảo tàng, là một địa danh lịch sử hiếm quý và một phong cảnh ngoạn mục cho những cặp tân hôn và nhiều người đến chụp hình trong những dịp lễ đặc biệt.

Trung tâm Huấn luyện Kỹ thuật *Naval Air Technical Training Center* nằm ở *Chevalier Hall*, Trường Phi hành *Naval Air Schools* gồm có Trường Địa huấn *School of Preflight*, Trường Sĩ quan Phi hành *Naval Aviation Officers School*, Trường Y khoa Phi hành *School of Aviation Medicine* đã cung cấp hoa tiêu, nhân viên phi hành và kỹ thuật hàng không, bác sĩ phi hành cho cả Hải quân *Navy*, Thủy quân Lục chiến *Marine*, Lực lượng Duyên phòng *Coast Guard* Khoa kỹ và một số Quân đội đồng minh *Allied Forces*.

Tại Trường Địa huấn, hằng tuần có một lớp nhập học và một lớp ra trường. Bỏ qua các mùa lễ lớn, mỗi năm có 48 lớp. Số người không nhất định. Có lớp đến 70 người như lớp 48-62, còn có lớp chỉ có 16 người thôi như lớp 16-62. Khóa sinh gồm có:

- các sinh viên đã tốt nghiệp 4 năm Võ Bị Hải Quân US Naval Academy, Annapolis, Võ Bị Quốc Gia US Military Academy at West Point, và Đại học Universities hay Colleges là những AOC (*Aviation Officer Candidates*);
- các sinh viên đã tốt nghiệp Junior Colleges là những NAVCAD (*Naval Aviation Cadets*) hoặc MARCAD (*Marine Cadets*);
- các sĩ quan, hạ sĩ quan đã tốt nghiệp Đại học, muốn chuyển qua ngành phi hành;
- các khóa sinh SQ hoặc SVSQ đồng minh (*Allied Students*) trong chương trình trao đổi hoặc viện trợ quân sự.

Sinh viên Sĩ quan (*Cadets*) thì phải qua 16 tuần lễ huấn luyện, còn Sĩ quan chuyển ngành thì có 8 tuần để vào khuôn khổ (*indoctrination*). Chương trình Địa huấn bao gồm 3 lãnh vực: Văn hóa, Thể lực, Quân sự. Khóa sinh phải đạt được điểm chuẩn cho từng ngành thì mới được tốt nghiệp.

Tất cả khóa sinh mới phải trình diện ở Phòng Trực *OOD* (*Officer of the Day*) tại *Bldg 624*. SVSQ và khóa sinh dân sự thì bị tước đoạt hết mọi thứ đồ xi-vin, khi ra trường mới được trả lại. Họ phát cho mỗi người một bộ áo liền quần (*poupie suits*) và một đôi giày đi rừng (*boondockers*, loại giày da lộn sần sùi), rồi tống cổ tất cả vào một hầm tối tập thể (*squad bay*), đóng sầm cánh cửa sắt và khóa lại. Đây là một loại khám tối (*cachot*), không có đèn đuốc chi cả. Một nửa bức tường ngăn ở giữa. Sát hai bên tường này là một bậc thềm cao và rộng vừa đủ để có thể nằm ngủ trên đó. Đi tiểu thì ở cái muồng dọc theo vách phía bên kia, có nước nhiều rỉ rả. Cánh cửa sắt có cái cửa chớp (*shutter*), cái khe nhỏ vừa đủ rộng để mắt nhìn ra ngoài; khi có đại tiện thì gọi SVSQ trực mõ

cửa. Sáng sớm hôm sau, họ đánh thức bằng tiếng chuông reo inh ỏi và loa hô to:



Phù hiệu Căn cứ bay Hải quân *Pensacola* và Phi đoàn VT-30 Xuyên huấn A-1 *Skyraider*



Hình chụp thước kéo (*Slide Rule*)



Cổng chính vào Trường Phi hành *Pensacola*

*"Reveille! Reveille! Reveille! All hands hit the deck".*  
Tất cả chạy ra ngoài, nghe giảng một hồi, rồi co tay chạy đều lên phòng ăn sáng, không thấy thằng nào đánh răng,

rửa mặt chi cả. Ăn xong là tất cả xếp hàng chạy bộ về lớp học. Tiểu đoàn trưởng Khóa sinh *Battalion Officer* chào mừng khóa sinh mới đến, “*Welcome aboard!*” và giới thiệu chương trình Lớp *Indoctrination Class* tạm dịch là Lớp Huấn Nhục. Sau đó họ đưa đi cao đầu sát rạt như máy thầy chùa vậy đó. Các *cadet* đến phòng quân trang, lấy ni nón, áo quần, giày, rồi được lãnh quân phục, chụp hình làm thẻ căn cước và cấp cho thẻ bài *dogtag*....

Huấn luyện viên là *US Marine Sergeants*. Họ truyền thụ, từ lời ăn tiếng nói dỗng dạc to lớn, đến cách đi đứng chặt góc vuông, chào hỏi. Ngồi ăn phải thẳng lưng và nâng thức ăn ngang miệng rồi mới đưa vào.

Khóa sinh ngoại quốc phải mất thêm ít nhất 2 tuần nữa để học Anh văn của Hải quân Hoa Kỳ. Sau khi khám sức khỏe tổng quát lại, thấy tốt, thì mới được xếp vào lớp.

Mỗi sáng khi nghe tiếng chuông reo và loa phóng thanh đánh thức, mọi đứa, mắt nhắm mắt mở, đều chụp lấy nùi lau, quơ quào cái màn lá sách che cửa sổ (*venitian blinds*), tẩn *drap* giường cho thẳng thơm, làm vệ sinh cá nhân, ôm bồn cầu lau sạch sẽ, bồn rửa mặt cũng phải khô ráo, cục xà-bông phải xài chớ không được để chung thò, mà phải lau khô sau mỗi lần xài. Khi tới phiên trực còn phải biết sử dụng máy *vacuum cleaner* hút bụi hoặc dùng cây *broom* đẩy bụi vào một góc rồi hốt, lấy *mop* lau nhà với nước sáp nóng (*hot wax*), rồi đánh bóng sàn nhà lại với *floor buffer*, ngoài ra còn *cleaning details* nữa, nghĩa là đánh bóng mấy ổ khoá cửa, tay nắm/ quả đàm cửa (*knob/ poignée*).

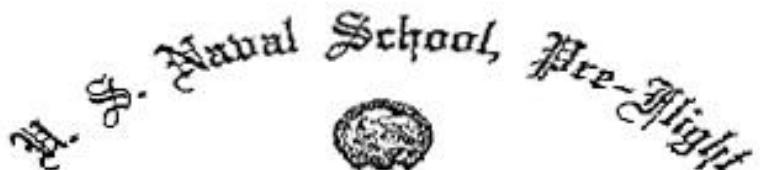
Sau 8 tuần huấn nhục thì các khóa sinh được sinh hoạt bình thường.

**Chương trình Huấn luyện Quân sự (Military Training)** rèn luyện khóa sinh thi hành công việc hàng ngày mà một sĩ quan thật sự làm, dưới sự hướng dẫn và kiểm soát

của các sĩ quan huấn luyện viên và sinh viên cán bộ trong Trung đoàn Khóa sinh. Thường thì huấn luyện quân sự nhắm vào việc cai quản hành chánh, quân phong quân kỹ, và khả năng tác chiến. Ngoài ra khóa sinh còn học cách sử dụng vũ khí cá nhân, chào kiềm chuẩn bị lúc làm lễ ra trường.

Mỗi sáng, sau khi thức dậy và vệ sinh cá nhân xong, loa gọi "*All hands fall in for morning spiffy (inspection)*", thì tất cả chạy ra xếp hàng ngoài sân, quần áo thẳng nếp, giày bóng loáng, cà vạt và bâu áo phải có kim gài (*collar and tie pins*). Sinh viên cán bộ đến trước từng người ngắm nghía xem quân phục có đúng cách không, rồi hỏi những câu về lịch sử, chính quyền, quân đội, thời sự.... Mọi câu hỏi đều có chuẩn bị câu trả lời. Các trưởng lớp *class leader* họp với ban tham mưu của Trung đoàn Khóa sinh sau mỗi bữa cơm chiều và đêm về phô biến lại cho lớp mình, nói một cách khác là ngoài quân phong quân kỹ, tinh thần đồng đội (*esprit de corps*) lúc nào cũng được rèn luyện. Ăn ở *mess hall* (nhà ăn tập thể) vẫn đi từng lớp và theo đúng cơ bản thao diễn. Mỗi thứ tư có bữa cơm chiều dưới ánh đèn cây (*candlelight dinner*), có bài bàn đúng hầu bên cạnh để phục vụ rượu vang, trông thật là quý phái. Thực đơn luôn thay đổi theo từng dân tộc một, tuần này món ăn Ý với *spaghetti* và rượu *Chianti*, tuần sau món ăn Pháp với *civet de lapin* và *Beaujolais*, món Đức thì có *sauerkraut* với *Riesling*, còn món Nga thì có *caviar* với *Rkatsiteli*.... Mỗi thứ sáu có *buffet* ăn xả láng tự phục vụ, có khi cả một đùi bê thuỷ, hoặc một con trâu quay, hoặc một con cá tầm (*sturgeon*) đúc lò to lớn để nguyên trên một cái bàn dài ở giữa

phòng ăn. Thứ bảy, Chúa nhật thì nhà ăn mở cửa trễ, điềm tâm và ăn trưa nhập chung lại làm một bữa gọi là *brunch*.



NAVAL AIR STATION

PENSACOLA, FLORIDA

KNOW YE, that reposing special TRUST and CONFIDENCE in  
the PATRIOTISM, VALOR, FIDELITY, and Abilities of

\_\_\_\_\_  
Dr. H. A. MURKIN

I do hereby appoint him a CADET, WIREMAN in the  
radio Battalion of the U. S. Naval School, Pensacola,  
Calif Regiment, from the 25th day of JANUARY 19 63.

He is, therefore, carefully and diligently to discharge the duties of  
CADET, ELECTRICAL ENGINEER.

by doing and performing all manner of things thereto belonging. I do strictly charge and require all orders under his command to be submitted to his orders.

He is to observe and follow such orders, regulations, instructions, and memorandum as he shall receive from me, or his superior officers set over him.

This appointment to continue in force during the pleasure of the Engineering Director, U. S. Naval School, Pensacola.

Given under my hand at the U. S. Naval School, Pensacola, this  
25th day of JANUARY 19 63.

CARLTON LIBRARY COPY THIS PAGE

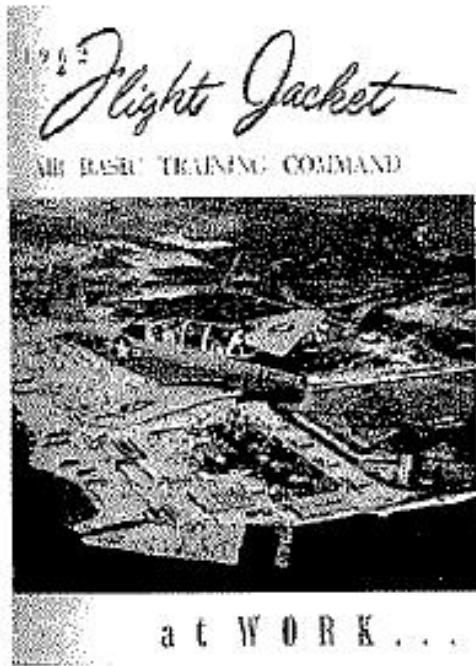
**Chương trình Văn hóa (Academics)** thì có các môn Toán và Vật lý áp dụng cho ngành hàng không, phải dùng thước *slide rule* để tính, một dụng cụ mới lạ mà sinh viên ở VN có bao giờ xài đến đâu. Môn *Naval Orientation* dạy cho biết về lịch sử và tổ chức Hải quân Hoa Kỳ. *Aerodynamics* là khí động học áp dụng cho phi cơ và bom đạn sử dụng. *Study Skills* dạy cách học bài trong đó có *Speed Reading Skills (Speedy Skills)* kỹ năng đọc nhanh và *Communication Skills* kỹ năng thông đạt. *Leadership* là nghệ thuật lãnh đạo. *Engineering* trong đó

có môn Động cơ nổ và Động cơ phản lực. *Aviation Science* dạy cách điều khiển các bộ phận của phi cơ, luật lệ lưu thông hàng không, phương sách bảo trì phi cơ, phương thức liên lạc vô tuyến, *Code Morse* và *Recognition* nhận dạng các phi cơ đồng minh và phi cơ địch. *Weather and Meteorology* Thời tiết và Khí tượng. *Navigation* (không hành) trong đó có *Celestial Navigation* nhằm hướng ban đêm bằng vị trí các sao trên trời, cách sử dụng các phi cụ. Ngoài ra còn có môn Chính trị *FNP* (*Foundation of the National Power*) phần lớn dạy về lịch sử thế giới với những chế độ khác nhau, những tổ chức quốc tế, như *UNO*, *NATO*, *WAPA*, những lắc léo ngoại giao, những hiệp ước, công ước cận đại, nhút là quá nhiều những ngày tháng (*date*) phải thuộc lòng. Tất cả đều có phim ảnh, trợ huấn cụ cho từng ngành, từng môn một.

**Chương trình Thể Lực và Mưu sinh Thoát hiểm** (*Physical Fitness-Survival*) phát triển sự kết hợp sức mạnh vào kỹ năng chuyên môn. Tập dượt các môn võ đô vật truyền thống (*collegiate wrestling*), quyền Anh có đội nón đòn nệm (*smokers boxing*). Bơi lội thì phải bơi suốt 2,000 m (40 vòng tới lui) có bận đồ bay. Còn nói tới “*Dilbert Dunker*” thì khỏi chê: người ta đặt anh ngồi vào một cái ghế sắt tương tự như *cockpit* (phòng lái) của phi cơ nhỏ T-34, gài dây an toàn *shoulder harness* và *safety belt*, kéo anh lên tuốt trên đỉnh của giàn phóng, cao khoảng chừng 10 m, rồi khi nào nghe huấn luyện viên thổi tu huýt một cái thì họ buông cái ghế cho rơi theo đường ray chui xuống chừng 60° vào hồ bơi. Cái ghế lật úp. Nước bắn tung tóe tùng lum. Anh phải đếm thầm: “*One thousand one, one thousand two,...one thousand five*”, rồi nhanh nhẹn tháo gỡ dây an toàn bụng và vai. Hai chân ngồi chồm hổm lên ghế, hai tay với thăng lên miếng gỗ, già làm *windshield* (kính che gió),

ngửa đầu ra phía sau, rồi hai tay, hai chân tống thăng cẳng mạnh ra khỏi cái “*Dilbert Dunker*”. Tú chi vẫy vùng như con éch, cố ngoi đầu từ dưới đáy hồ lên khỏi mặt nước. Ngoài ra còn phải biết đánh vào quai hàm của nạn nhân để làm cho họ bất tỉnh trước khi lôi họ vào bờ cứu họ, biết làm hô hấp nhân tạo *CPR*. Ngoài Đoạn đường Chiến binh (*Obstacle Course*) còn biết chơi *trampoline*, không phải chỉ nhún nhảy mà còn phải biết nhào lộn, như thế sau này khi lên trời sẽ dạn làm mấy động tác phi hành (*flight maneuvers*) hon. Nhảy dù trên đất liền và dưới nước. (*Jungle/ Swamp/ Sea Survival*) mưu sinh thoát hiểm trong rừng, sinh lầy và cả dưới biển. Nói cho cùng là môn Thể lực huấn luyện sức chịu đựng dẻo dai trong tinh thần thể thao (*spirit of sportsmanship*) và ngay thẳng (*fair play*).

Sau 16 tuần lễ quần quật với đèn sách, đoạn đường chiến binh, lúc nào cũng *ship shape*, sạch sẽ ngăn nắp thứ tự như ở dưới tàu. Tuần lễ cuối cùng cả lớp bị bỏ vào khu sinh lầy của rừng *Eglin AFB* từng huấn luyện Biệt Kích Mỹ, để học lớp Mưu Sinh Thoát Hiểm. Khi trở về trại nhà thì mỗi khóa sinh được phát một tờ khai chọn lựa ngành nghề *Career of Preference*. Có người chọn ngành phi hành gia *Astronaut*, phần đông là phi công *fixed wing pilots*, còn lại là phi công trực thăng *rotary wing pilots*. Khóa sinh Việt-Nam không có đường chọn lựa mà chỉ ghi *fighter pilots* để diễn cho đầy đủ rồi nộp với người ta.



a t W O R K . . .

*The Flight Jacket* là quyển Kỷ Yếu lưu trữ chằng những ảnh của khóa sinh từng lớp một, mà còn hình chụp các buổi sinh hoạt và dịp lễ đặc biệt đã xảy ra trong niên khóa.



Trường Bay Võ Lòng VT-1



Trường Bay Căn Bản VT-2 Doer Birds

Tại buổi lễ mãn khóa Địa huấn, SVSQ nhận bằng tốt nghiệp *Diploma*, là quyết định bổ nhiệm chức vụ sinh viên cán bộ *Cadet Officer* gồm có: Trung đoàn trưởng SVSQ *Cadet Regiment Commander* (5 gạch), Trung đoàn phó SVSQ *Cadet Regiment Sub-Commander* (4 gạch), Nhạc trưởng Dàn nhạc & Ban hợp ca Trung đoàn

*Regimental Band & Choir Commander* (4 gạch), 4 Tiểu đoàn trưởng SVSQ *Battalion Commander* (3 gạch), 4 Tiểu đoàn phó *Battalion Sub-Commander* (2 gạch), 12 Đại đội trưởng *Company Commander* (2 gạch), 36 Trung đội trưởng *Platoon Leader* (1 gạch) phụ trách 36 lóp còn lại (8 lóp Huấn nhục không tham dự). Người nào xuất sắc về một lãnh vực nào đó thì được gắn thêm lên trên bảng tên ở nắp túi áo bên mặt một *badge* màu đen có tên lãnh vực đó chữ trắng, nếu được hai lãnh vực xuất sắc thì *badge* đỏ chữ trắng, còn cả ba lãnh vực thì *badge* vàng chữ xanh nước biển.... Tới ngày ra trường, mấy *Officer Candidates* Mỹ được gắn lon thiếu úy: Hải quân và Lực lượng Duyên phòng là *Navy/ Coast Guard Ensign*; còn Thủy Quân Lục Chiến là *Marine Second Lieutenant*. Mấy anh tân sĩ quan phải có sẵn trong mình một đồng đô-la bằng vàng. Hễ người nào đầu tiên chào và chúc mừng họ “Sir, Congratulations, Sir!” thì được tặng đồng tiền vàng đó. Sau đó thì họ chia tay nhau, ai đi ngành nào thì lên đường qua trường đó.

Khóa sinh Kỹ thuật không phi hành (*aviation ground officers*), Điều hành viên, Cơ khí Phi hành (*air crewmen*) chẳng đi đâu xa mà đã có Trường *Naval Aviation Officers School* ngay tại Căn cứ *Pensacola* này rồi.

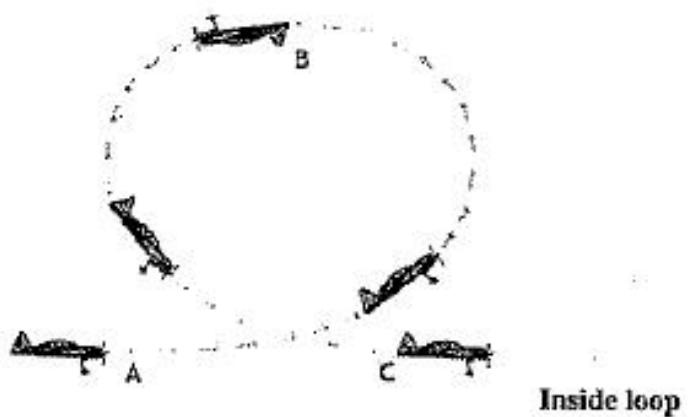
Căn cứ phụ *Naval Air Auxiliary Station Ellyson Field* là Trường Phi hành Trực thăng *Helicopter Training Squadron EIGHT HT-8* ở cách Căn cứ *Pensacola* 16 mi về hướng Đông-Bắc.

Căn cứ phụ *NAAS Saufley Field* là Trường bay Vò lòng VT-1 (*Primary Flight Training*) ở cách 10 mi về hướng Bắc của *Mainside* (*nickname* của căn cứ chính *NAS Pensacola*). Tất cả khóa sinh *Student Naval Aviators* đều phải qua trường này và đã tìm thấy cái cảm giác mạnh lúc đơn phi đầu tiên (*first solo*) tại đây.

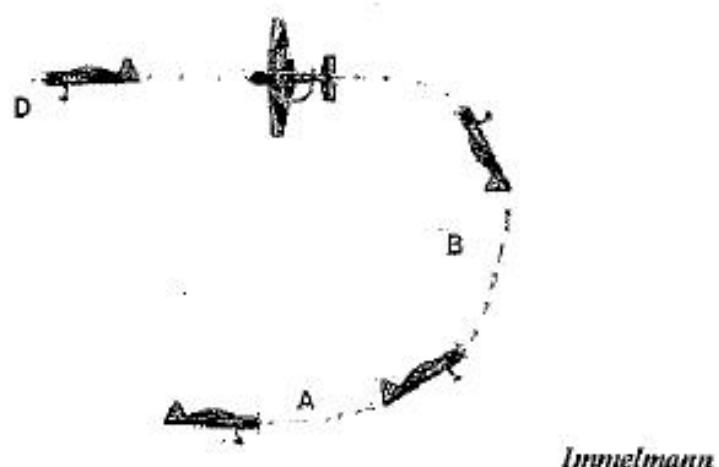
Sau vài ngày làm thủ tục đến và làm quen (*Orientation*) với cách ăn ở và làm việc tại Căn cứ và Trường phi hành VT-1, là hai tuần địa huấn (*ground training*), học để hiểu biết chiếc phi cơ mà mình sẽ bay trong nay mai:

*Cockpit Procedures* chỉ cách sử dụng các bộ phận và làm quen với các đồng hồ phi kế, lúc mở máy, đang bay, trường hợp khẩn cấp và lúc đáp; ở đây có nguyên cái *cockpit* (phòng lái) của phi cơ làm trợ huấn cụ nên rất dễ hiểu. *Engineering* và *Flight Characteristics* cho ta biết khả năng của phi cơ, chịu đựng được bao nhiêu G's, hỏng bánh ở tốc độ nào và chạy được bao xa mới hỏng bánh. Vòng đáp *touch-and-go* (chạm bánh-bay lại) như thế nào. Phương thức liên lạc vô tuyến với đài kiểm soát không lưu ra sao; ở đây có *skull practice*, nghĩa là mỗi khóa sinh được mang một cái *headset* để thực tập, gọi báo cáo với đài không lưu và được nghe đài trả lời y như trên thực tế. Ngoài ra còn có *link trainer* (phòng lái giả) để cho khóa sinh thực tập ôn lại mấy động tác bay trong lúc chờ đợi có phi cơ khả dụng để bay.

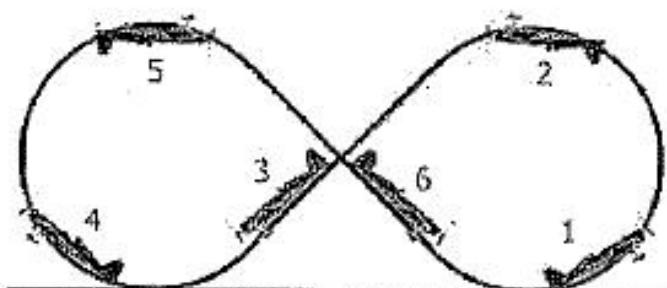
Rồi đến sáu tuần phi huấn. Giai đoạn pre-solo (tiền đơn phi) có 13 phi vụ. Trù phi vụ làm lễ ra mắt (*baptême de l'air*), khóa sinh sẽ bay 10 phi vụ thực tập các động tác bay căn bản, sử dụng bộ phận điều chỉnh phi cơ bay bình phi, phương thức làm vòng đáp và kỹ thuật đáp, đồng thời học cách đối phó với các trường hợp khẩn cấp, luôn luôn phải giữ sự bình tĩnh và an toàn của một phi công (good airmanship and safety). Phi vụ 12 (safe-for-solo check flight) khóa sinh sẽ bay với một thầy khác, nhiều kinh nghiệm trong nghề huấn luyện, để khảo hạch. Nếu check pilot ra dấu “thumbs up” thì phi vụ 13 là phi vụ đơn phi đầu tiên “first solo”.



**Inside loop**

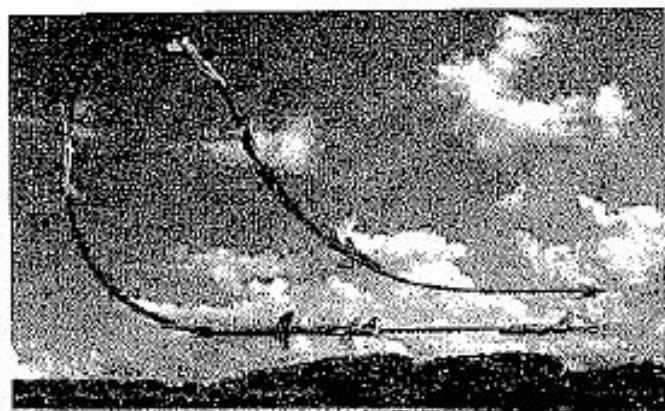


**Immelmann**

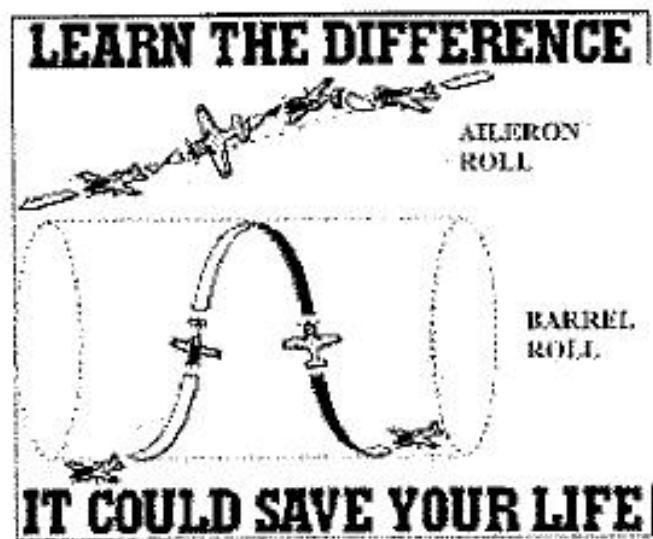
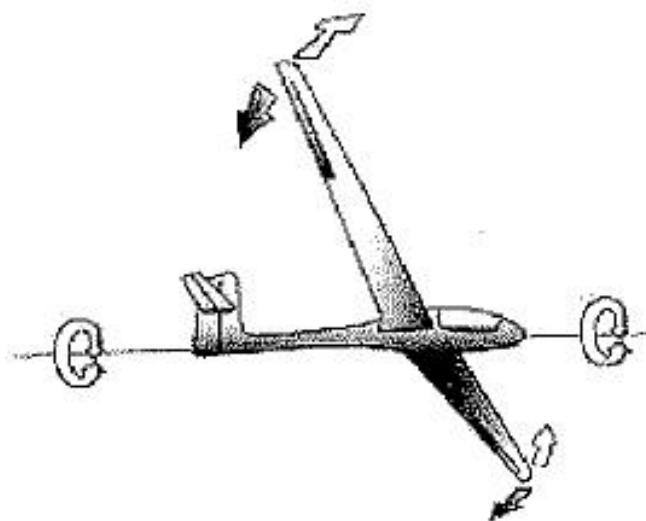


1. Full thrust, up elevator
2. Top of loop, inverted flight. Hold 45° nose down attitude
3. Half-roll to upright position
4. Second loop. Full thrust, up elevator
5. Top of loop, inverted flight. Hold 45° nose down attitude
6. Half-roll to upright position

**Cuban 8**



Half Cuban 8



*Aileron Roll*

---

Tiếp theo là giai đoạn *precision stage* (nhuần nhuyễn) với 18 phi vụ, ôn lại mây động tác học trước đây và cứ xen kẽ một phi vụ có thày (*dual*) với một phi vụ đơn phi (*solo*). Phi vụ có thày thì học những ‘chiêu thức’ (*figure*) mới: *loop/ boucle* (nhào lộn 360°), *cuban eight* (vòng số 8), *wingover/ renversement* (lật ngược 180°), *barrel roll/ tonneau barriqué* (lăn xoắn ốc), *spin/ vrille* (xoáy vòng), phi vụ đơn phi thì khóa sinh duyệt lại cho nhuần nhuyễn. Phi vụ khảo sát bay với một thày ở khác *flight* (phi đội).

Xong phi huấn võ lòng, Khóa sinh Phi công Cảnh quạt qua *NAAS Whiting Field* ở *Milton*, cách *Pensacola* khoảng 40 mi về hướng Đông-Bắc. Ở đây trường bay VT-2 và VT-3 có chương trình Phi huấn Căn bản (*Basic Flight Training*).

Trường bay VT-4 ở *Sherman Field* ngay trong Căn cứ *Pensacola* thì dạy bay Căn bản Phản lực (*Basic Jet Training*) và đồng thời dạy đáp hàng không mẫu hạm cho các Khóa sinh Phi công Phản lực.

Trường Phi hành VT-6 cũng ở khu Bắc *Whiting* với VT-2, dạy Võ lòng Phi hành với phi cơ nhiều máy (*Primary Multi-Engine Training*) và phi cụ cho phi công trực thăng.

Trường Phi hành VT-2 chuyển tiếp (*transition stage*) khóa sinh từ một chiếc phi cơ nhẹ và yếu như T-34B *Mentor* cân nặng 2,960 lb với công suất 225 mã lực, qua chiếc T-28B/C *Trojan*, nặng hơn gấp đôi 6,424 lb và mạnh trên 6 lần, công suất là 1,425 mã lực. Giai đoạn này kéo dài 9 phi vụ, 8 phi vụ bay với thày và phi vụ thứ 9 là phi vụ đơn phi. Phương thức bay căn bản (*basic air work*) tương tự như mấy phi vụ đầu tiên ở *Sausley*, thêm vào đó là phương thức báo cáo lấy cao độ và xuống cao độ vào vòng đáp (*climbing and letdown*),

thực tập đáp khẩn cấp (giả máy tắt) từ cao độ cao (*simulated high altitude emergency*), vòng đáp ở các sân bay phụ (*outlying fields*) cùng với phương thức đáp hạ toàn cánh phụ (*full flap landing*).

Giai đoạn nhuần nhuyễn (*precision stage*) ở VT-2 là 7 phi vụ. Ở một sân bay phụ, người ta vẽ một hình chữ nhụt có gạch chéo màu trắng ở đầu phi đạo, vừa đủ an toàn để phi cơ chạm bánh lúc đáp. Khóa sinh phải tập chạm bánh trong ô này lúc hạ cánh. Những động tác bay căn bản (*basic air work*) được luyện cho đến mức dịu dàng (*smooth*) và *wingover* hay *hammerhead/renversement* luôn được luyện tập, vừa kéo mũi phi cơ lên thẳng đứng, vừa quẹo gắt, gần vào triệt nâng (*stall*), rồi nhả cánh lại ở  $180^\circ$  đổi hướng và hạ mũi phi cơ xuống để lấy lại tốc độ bình phi. Khảo sát thay bay nhuần nhuyễn và đủ an toàn thì được qua giai đoạn kế tiếp.

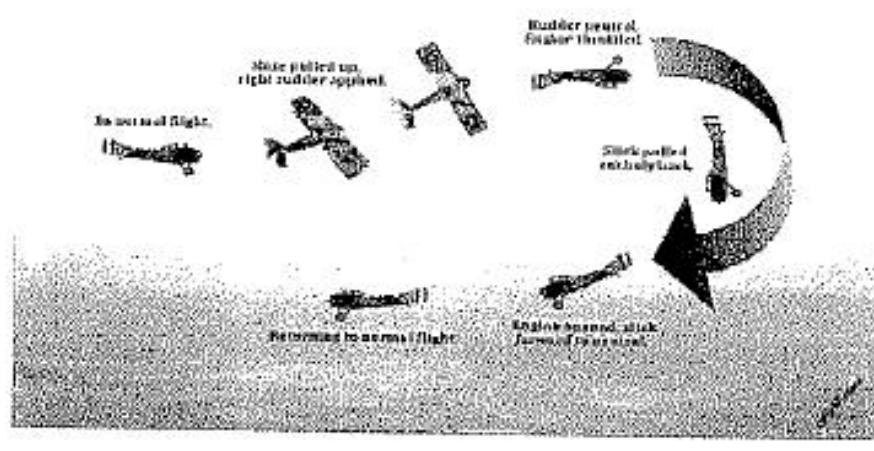
Giai đoạn nhào lộn (*acrobatic phase*) có 10 phi vụ gồm 4 phi vụ *dual* và 6 *solo*. Những chiêu thức căn bản như làm *loop*, lăn tròn (*aileron roll/tonneau*), lăn xoắn ốc (*barrel roll*), *immelmann/rétablissement normal*, cuban 8 (vòng số 8), *half-Cuban eight/rétablissement tombé* ( $\frac{1}{2}$  vòng số 8), *spin* (xoáy vòng), *snap roll/déclenché*, *split-S/retournement*. Mỗi chiêu đều bắt đầu bằng tốc độ bay (*airspeed*) khác nhau và phải luôn giữ hòn bi của đồng hồ chỉ độ quẹo (*turn-and-slip indicator*) ngay giữa.

Sau 8 tuần ở VT-2, khóa sinh được chuyển qua VT-3 ở khu Nam để học 20 tuần phi huấn và 14 tuần địa huấn gối đầu lên nhau.

Giai đoạn đầu là Huấn luyện Phi cụ Căn bản (*Basic Instrument*), suốt thời gian này bay với thây và luôn chui vào *hood* (mui che), thực tập *scan* (nhìn lượt qua lại) máy phi kê như *attitude gyro* (thế bay), *turn-and-slip indicator* (độ quẹo), *rate-of-climb* (độ lên xuống cao độ),

*altimeter* (cao độ kế), *airspeed indicator* (tốc độ kế), *accelerometer* (gia tốc kế chỉ G's). Khi làm *slow flight* còn cần phải theo dõi *cylinder head temperature indicator* (đồng hồ nhiệt độ đầu xy-lanh), lập lại mây chiêu bay nhào lộn sử dụng phi kê, và vào cận tiến có dài hướng dẫn/ *shoot GCA* (*ground control approach*).

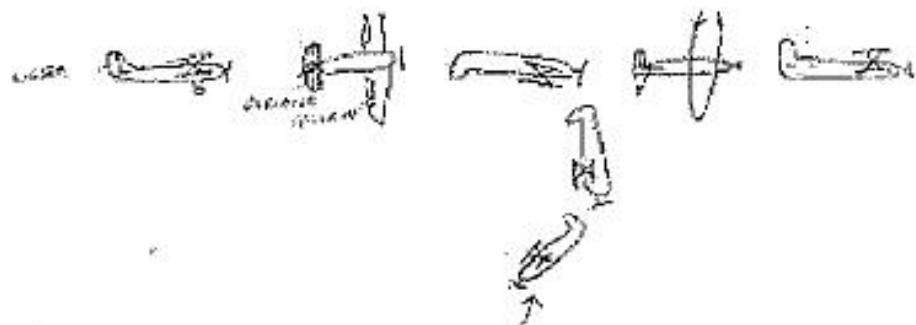
### The Split-S (*Rommessen*)



Sau khi solo khóa sinh được mang "solo bar" trên túi áo trái



Snap Roll



*The best recovery from a Snap Roll is a Spit-S*

Giai đoạn kế tiếp là Huấn luyện bay Hợp đoàn (*Formation*). 4 phi vụ đầu bay với thầy, 7 phi vụ kế tiếp bay solo. 3 phi vụ bay 2 chiếc, 4 phi vụ bay 4 chiếc, đều có thầy bay theo (*chase*). Thay phiên nhau làm *lead* dẫn phi tuần và làm *wingman* đeo theo, để luyện tập *breakup-and-rendezvous* (tách và tập hợp), tập hợp vào hợp đoàn sát cánh (*parade formation/ échelon serré*). Phi cơ *lead* (dẫn phi tuần) phải bay thật *smooth*, không động tới tay ga, giữ tốc độ an toàn cho phi tuần. Khi bay *slow flight*, không quẹo vào trong *echelon* (cánh nặng) nếu là phi tuần 4 chiếc.

Hợp đoàn hành quân là *tactical formation* với 2 chiếc gọi là phi tuần nhẹ (*element*) và 4 chiếc là phi tuần nặng (*flight/ patrouille*). 4 chiếc là 2 phi tuần nhẹ và bay theo hình ngón tay (*fingertip formation*). Với hợp đoàn hành quân khóa sinh thực tập động tác phi hành *flat scissors/ ciseaux*.

Hợp đoàn chiến đấu *chase/ combat formation* thực tập không chiến *dogfight/ combat tournoyant* với 2 và 4 phi cơ. Thật ra ở đây phi cơ/ phi tuần số 1 dẫn đầu chỉ làm những phi tác nhào lộn cắn bắn và phi cơ/ phi tuần đuôi bắt (*chase*) chỉ đeo theo, áp dụng những kỹ thuật chuyên môn đã thu thập. Không làm *spin, hammerhead, snap*

*roll*, nói một cách khác là không áp dụng triệt nâng (*stall/ décrochage*) ở đây.

Giai đoạn Huấn luyện Không hành (*Navigation*) ngày lẫn đêm. Không hành ngày làm *Round Robin*, đi lòng vòng, dạy cho khóa sinh biết chuẩn bị lộ trình (*route planning*), sử dụng bản đồ không hành (*navigational charts*), phân biệt những điểm mốc *check points* như xa lộ, đường ray xe lửa, sông, hồ, v.v.... Bài học bay đêm nằm trong 2 phi vụ *cross country* (băng đồng) đêm đi xa ở lại đêm (*overnight*), một phi vụ sử dụng *dead reckoning techniques*, định hướng và tính giờ dựa theo tốc độ mình bay, từ điểm này (địa danh/ thành phố) đến điểm nọ; phi vụ kia thì không hành bằng phi cụ (*IFR*), sử dụng trợ phi kê (*Navaid*) *TACAN*, làm *letdown* (xuống cao độ), *holding pattern* (vòng chờ) và *GCA pickup on final* (cận tiến vòng chót có đài hướng dẫn).

Giai đoạn cuối cùng là Huấn luyện Tác xạ (*Gunnery*), gồm có 5 phi vụ. Phi vụ đầu được thày biểu diễn và 4 phi vụ đầu chỉ làm *dry run* để biết làm vòng tác xạ, phi vụ thứ 5 mới bắn bia.

Sau suốt một niên khóa học tại *Whiting*, các khóa sinh trở về *Saufley* để bắt tay vào chương trình tập đáp hàng không mẫu hạm *Carrier Qualification* của Trường Phi hành VT-5.

Sau hai ngày nghe giảng và trắc nghiệm về vòng đáp và những bộ phận trợ phi (*flight support*) trên hàng không mẫu hạm như hoạt động của hệ thống kính chiếu trên tàu (*operation of the mirror landing system*), cũng như cơ chế, tốc độ, sử dụng chân đáp, cánh phụ, móc đuôi *tailhook* (*performance characteristics of the aircraft*), và biện pháp an ninh phi hành áp dụng trên tàu (*carrier safety*), khóa sinh bắt đầu tập dượt đáp theo kính chiếu

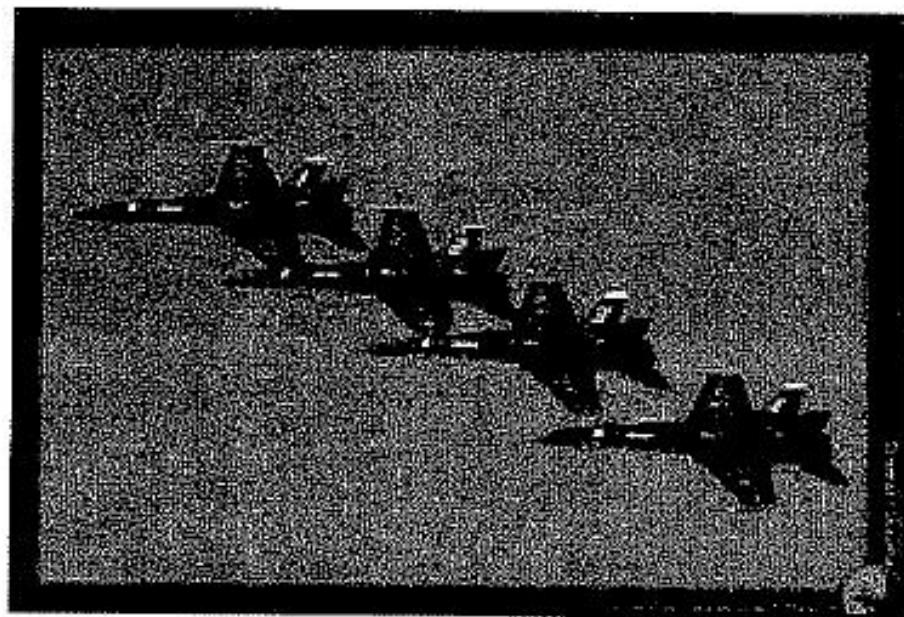
trên đất liền MFCLP (*Mirror Field Carrier Landing Practice*) tại 2 phi trường phụ Barin và Bronson.

Ở VT-5 chuông đánh thức *reveille* đúng 0400 giờ sáng để tránh không khí chao động lúc mặt trời mọc. Mỗi khóa sinh phải trải qua 13 đợt tập duyet, 12 đợt trên đất liền và đợt chót trên tàu.

Sau 3 phi vụ “*demo*” biểu diễn bay với thay ngồi ở ghế sau, mấy phi vụ còn lại bay *solo*. Mỗi đợt tập duyet có khoảng chừng 8 lần đáp. Trên hàng không mẫu hạm thì 2 lần đầu chạm bánh bay lại (*touch-and-go*) và 6 lần đáp với móc *tailhook* (*arrested landing*) và cất cánh trên giàn phóng (*catapult*).

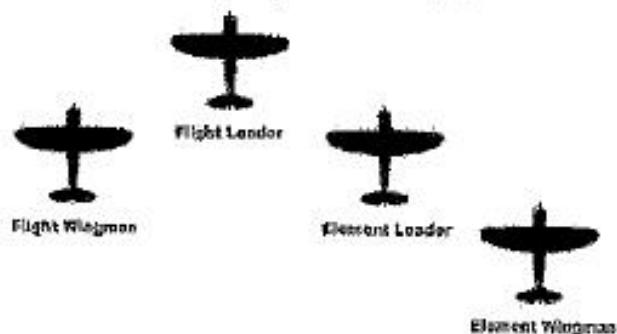


*Wingover/ Hanoverhead/ Renversement*

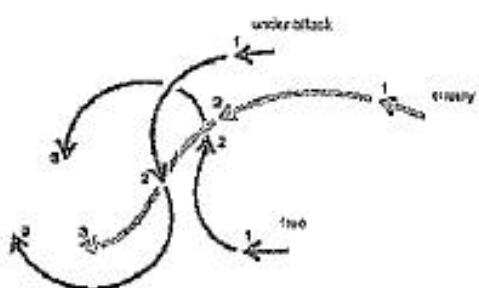


Hợp đoàn Sát cánh

**Four Finger Formation**



Đội Hình Hành Quân



Thach Weave Pattern



Trường bay Căn bản VT-3 *Red Knights*



VT-3 *Historical Patch*

Hệ thống đèn hạ cánh *optical landing system (OLS)* thường được biết qua tên gọi *meatball* (cục bò viên) chỉ cho hoa tiêu biệt độ chói (*glidepath*) của cận tiến vòng chót (*final approach*) trên hàng không mẫu hạm. *Landing Signal Officer (LSO)* sử dụng cờ màu (*colored flags*), ván (*cloth paddles*) và gậy đèn (*lighted wands*) để điều khiển phi cơ hạ cánh trên mẫu hạm, *Flight Deck Officer (FDO)* chỉ huy toán và tất cả những người mặc áo màu vàng sáng chói làm việc rất ăn khớp với nhau (*perfect teamwork*).

Hàng không mẫu hạm *USS Antietam* (CVS-36) được Trường *Pensacola* sử dụng để huấn luyện hoa tiêu đáp tàu từ 1957, trước đây có boong thẳng (*straight deck*) theo kiểu "*Essex*". Xưởng tàu *Brooklyn Naval Shipyard* đã sửa lại thành boong xiên góc đầu tiên thế giới vào 1953. Boong xiên góc (*angled deck*) đã cho thấy ba điểm lợi hơn boong thẳng (*fore-and-aft deck*): thứ nhất là cùng một lúc có thể điều khiển cho phi cơ cất cánh và đáp; thứ nhì là, khi phi công nhìn thấy boong trống trải, họ cảm thấy an toàn hơn; cuối cùng là phi cơ lớn có thể đáp trên tàu được. Năm 1962 mẫu hạm *CSS Lexington* (CVS-16) vào thế chỗ *CSS Antietam* trong Vịnh Mê-Tây-Cơ....

Nhiều khóa sinh khi lần đầu chạm boong tàu (*hit the deck*), móc được vào một trong sáu dây cáp (*arresting cables*) cảm thấy cảm giác có vẻ mạnh hơn lần đầu tiên họ được thả *solo* (*first solo*).

Sau lần cuối đáp trên tàu này thì khóa sinh hội đủ điều kiện (*qualified*) để mang cánh bay vàng của Hoa tiêu Hải quân *Naval Aviator*.

Một buổi lễ gắn cánh bay được tổ chức tại Đại Sảnh Đường của BCH Phi huấn Căn bản HQHK (*Naval Air Basic Training Command*) Bldg 633 ở *Mainside Pensacola*.

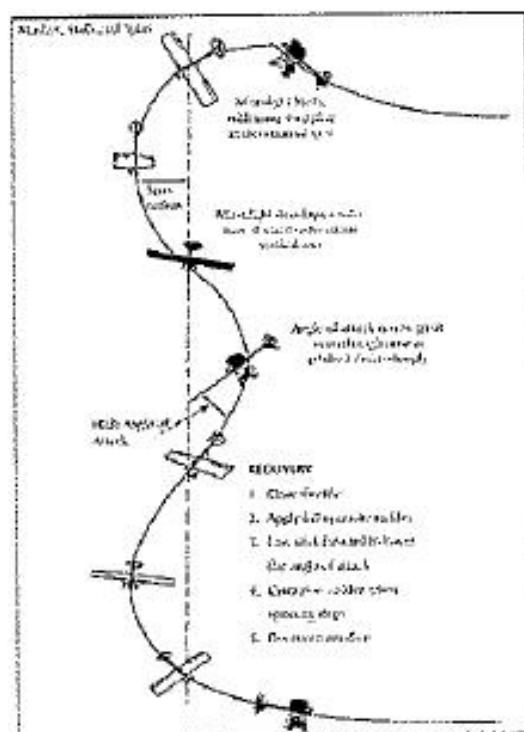
Tính ra thì chương trình học quân sự, địa huấn, bay ở trường vò lòng, 2 trường căn bản phi hành và trường đáp hàng không mẫu hạm của riêng trường *Pensacola* đã mất ròng rã hết 2 niên học. Cho nên sau giai đoạn địa

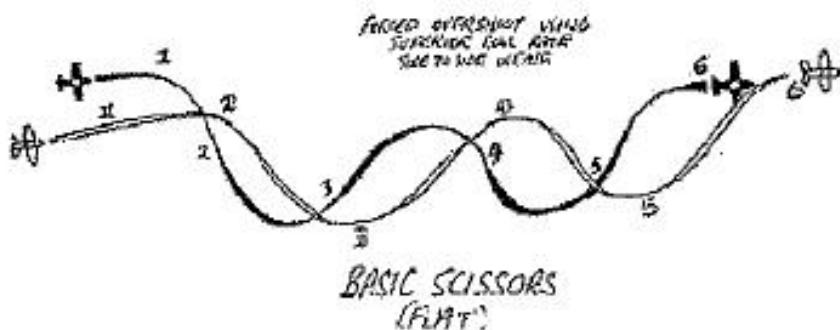
huấn và bay vò lòng thì sinh hoạt ở đây thật là thoải mái. Ở *Whiting Field*, đi bay về là khóa sinh có thể giải trí ở *ACRAC* (*Air Cadet Recreation Center*), để nghe nhạc, chơi *games*, bi-da, nhậu bia lai rai. Một vài anh còn ghi danh học thêm cao học nữa. Nhà nguyện *Whiting Field Chapel* thường hay làm lễ cưới cho khóa sinh ở đây.

Hằng năm cứ vào mùa xuân thì nhà trường phối hợp với mấy trường Đại học quanh *Pensacola* để tổ chức buổi Dạ vũ Mùa xuân *Cadet Spring Formal*. Danh sách sinh viên được treo ở Tòa nhà Hành chánh (*Admin Bldg*) kế bên Phòng Thư tín (*Mail Room*) để khóa sinh chọn theo kiểu *blind date/ rendez-vous arrangé*. Căn cứ *Whiting* có đội đánh *golf* và ban nhạc Bộ Tứ *Quartet* riêng của họ. Vào những ngày ấm áp chúng ta không khỏi thường thức mùi thịt nướng *BBQ* thơm phức sau dãy nhà *Cadet Barracks* của SVSQ.

Sau khi mãn khóa căn bản, được gắn cánh bay vàng Hải quân *Navy Wings of Gold*, SVSQ được tấn phong sĩ quan và được thuyên chuyển qua BCH Cao huấn Phi hành *Naval Air Advanced Training* ở *NAS Corpus Christi, Texas*. Tùy từng nhiệm vụ, khóa sinh nhận sự vụ lệnh để đến các đơn vị mới.

Tại *Corpus Christi*, Trường bay VT-30 xuyên huấn hoa tiêu trên phi cơ A-1H *Skyraider*. A-1H *Skyraider* là loại xung kích cơ cánh quạt, bánh đuôi, một chỗ ngồi, không có bom đạn cân nặng 11,968 lb và sức nặng tối đa lúc cất cánh là 25,000 lb, động cơ xuyên tâm (*radial engine*) Wright công suất 2,700 hp (mã lực).





Địa huấn được gói gọn trong 3 quyển sách:

- A-1 *Skyraider Flight Manual* TO-1 gọi tắt là *Dash One*, gần như phi công nào bay loại phi cơ này phải nằm lòng. Nó mô tả đầy đủ phi cơ và tất cả hệ thống máy móc, cách sử dụng với *checklists*, phương thức điều hành bình thường và khẩn cấp....
- *Aerodynamics*, Khí động học dành cho phi cơ và bom đạn sử dụng trên loại phi cơ này,
- *Flight Rules* gồm có luật lưu thông hàng không bay bằng mắt *VFR* (*Visual Flight Rules*) và phi cụ *IFR* (*Instrument Flight Rules*).

Giai đoạn làm quen *Fam Stage* (viết tắt của *Familiarization*) là khó khăn hơn tất cả. Nội mỏ máy không thôi đã là một vấn đề ngay từ đầu rồi. Hết nhấn *primer* lâu quá thì *carburetor* bị *flooded* (ngập), cơ trưởng lấy hai ngón tay bóp mũi ra dấu; còn hết ít quá thì bị *backfire* (lửa sóm), cơ trưởng phải leo lên xem coi *butterfly valve* có bị bung ra không. Nếu lơ là, không kiểm soát kỹ, dễ bị cháy máy vì xăng bị rỉ. Phi vụ đầu tiên cũng đã phải bay một mình rồi (*solo*), vì phi cơ chỉ có một chỗ ngồi thôi.

Lúc cất cánh, chân mặt phải kèm bánh lái thật mạnh, và nhanh chóng làm sao cho bánh đuôi hồng lên mới dễ giữ phi cơ chạy thẳng được. Đáp thì phải giữ đúng *three-point attitude* để luôn chạm bánh 3 điểm. Chạm bánh rồi

thì phải ôm càn lái vào bụng, hai chân phải luôn làm việc để giữ phi cơ chạy thẳng, chân trái đạp mạnh hơn. Sau giai đoạn làm quen với phi cơ thì các giai đoạn khác gần như lập lại những gì đã học ở trường bay căn bản. *Dash One* không cho phép tự động làm xoáy vòng (*voluntary spin*). Phi cơ có trang bị hệ thống chống G's (*anti-G system*), sử dụng G-suit để tránh bị "*black-out*" lúc kéo nhiều +G's khi nhào lộn (*aerobatics/ voltige aérienne*) và không chiến.

Trong hợp đoàn hành quân, khóa sinh được luyện tập *Thach Weave (4)*.

Hai chiếc hoặc hai *element* (phi tuần) bay ngang nhau cách xa chừng 1 nm (dưới 2 km một chút), số 2 bên mặt chặng hạn. Khi *lead* muốn đổi hướng thì lắc cánh cho số 2 thấy, rồi quẹo mặt vào số 2. Nếu muốn quẹo trái, thì khi giao nhau, *lead* nhấp cánh trái (cánh cao) một cái rồi trở cánh quẹo ngược qua trái; số 2 lúc đầu đang quẹo trái vào *lead* thấy *lead* nhấp cánh cao thì tiếp tục giữ quẹo trái đến khi nào *lead roll out* (trở cánh bay thẳng) thì mới thôi; bây giờ thì số 2 nằm bên trái

Trở lại trường hợp đầu tiên, số 2 nằm bên mặt cho khói lộn. Và *lead* quẹo mặt vào số 2 để đổi hướng. Nếu muốn quẹo mặt, thì lúc giao nhau, *lead* nhấp cánh mặt (cánh thấp) và tiếp tục giữ quẹo mặt cho đến hướng mình muốn đi thì *roll out*, số 2 đang quẹo trái, khi thấy *lead* nhấp cánh thấp thì trở cánh quẹo ngược qua mặt ngay, và cũng *roll out* theo *lead*.

Nếu chỉ muốn đổi bên thôi, thì khi giao nhau, *lead* nhẹ nhàng trở cánh thẳng bằng chớ không nhấp cánh, *cross over/ under* (bay ngang qua đầu/ dưới bụng) tùy theo cao độ rồi mới quẹo trái về hướng đi ban đầu.

Còn nếu muốn đổi hướng 180° thì khi giao nhau, không nhấp cánh, không trở cánh thẳng bằng, mà cứ tiếp tục quẹo đến hướng mình muốn rồi mới *roll out*.

Người *lead* giỏi phải tính (*plan*) làm sao cho tất cả được an toàn: trường hợp bay cao thì *element* luôn giữ ở dưới và còn *wingman* của họ nữa; ở cao độ thấp thì ngược lại, *wingman* và *element* luôn ở cao hơn *lead*. *Scouting formation* đội hình thám thính áp dụng cho *armed recce* (tuần thám vũ trang), *escort ship/ train/ convoy* (hộ tống tàu bè/ xe lửa/ đoàn xe), thường ở cao độ thấp, do đó *lead set radar altimeter* 100 ft còn *wingman* thì 50 ft.

Luyện tập Không hành ngày và đêm dù kiểu cận tiến ở cao độ cao *high altitude approach*, xuyên mây *penetration* và làm vòng chờ *holding pattern*, sử dụng thiết bị điện tử hàng không *TACAN*. Lấy cao độ 14,000 bộ, khi qua gần tới 12,000 bộ thì mở bom tăng nạp *supercharger*...



## A Navy Flyer's Creed

*I am a United States Navy flyer.*

*My countrymen built the best airplane in the world and entrusted it to me. They trained me to fly it. I will use it to the absolute limit of my power,*

*With my fellow pilots, air crews, and deck crews, my plane and I will do anything necessary to carry out our tremendous responsibilities. I will always remember we are part of an unbeatable combat team — the United States Navy.*

*When the going is fast and rough, I will not falter. I will be uncompromising in every blow I strike. I will be humble in victory.*

*I am a United States Navy flyer. I have dedicated myself to my country, with its many millions of all races, colors, and creeds. They and their way of life are worthy of my greatest protective effort.*

*I ask the help of God in making that effort great enough.*

Lời Tuyên thệ của Phi công Hải quân Hoa Kỳ lúc làm lễ gắn cánh bay vàng Luyện tập Oanh kích và Tác xạ (*Bombing and Strafing*) ngày và đêm.

Trước hết tập nhào xuống thả bom (*dive bombing*). Để mục tiêu ở ngay giá bom bên trong (*inboard rack*), kéo mũi phi cơ lên chừng  $30^\circ$ , lật phi cơ thế nào để thấy mục tiêu ngay hướng 12 giờ, kéo mũi phi cơ xuống để máy nhắm (*gunsight/ collimateur*) hơi sau mục tiêu (*aim short*) một chút, rồi trở cánh ra cho phi cơ bay xuống thẳng vào mục tiêu, ngừng *crosshairs/ réticule* (chữ thập) trên mục tiêu rồi bấm nút bom, xong kéo mũi phi cơ lên  $60^\circ$  và quẹo trở lại, nhìn theo người phía trước. Đó là đánh bom trên cùng một trục (*same-axis pattern*). Chúng tôi còn tập đổi trục  $90^\circ$  như cánh chuồn (*cloverleaf pattern*) nữa.

Bom nổ và hỏa tiễn (*rockets*) thì ở cao độ cao.

Đại bác (*cannon*) thì ở cao độ thấp hơn và độ chói lài hon. *Napalm* (bom xăng đặc) thi bay sát ngọn cây (*low level/ rase-mottes*). Tác xạ còn phải ra bãi tác xạ (*range*) mới có bia để nhắm bắn. Mỗi loại bom đạn đều có *mill-lead* khác nhau đã có ghi rõ trong quyển *A-1 Weapons Delivery Handbook* (Sử dụng Bom đạn trên Phi cơ A-1). Khóa sinh trực, ngoài việc ghi tình trạng phi trường *Notams*, tình trạng phi cơ khả dụng trong ngày, cập nhặt *Dash One*, còn giúp Sĩ quan An phi ra *flight line* (phi đạo), lấy mấy *yellow sheet* xem phi cơ bị trục trặc chỗ nào và dò trong *TO-2 (Technical Manual)*, ghi ra cách sửa chữa, rồi kẹp chung với *yellow sheet*.

Hàng không mẫu hạm *Lexington* hoạt động thường xuyên ngoài khơi các cảng *Pensacola*, *Corpus Christi* và *New Orleans* trong Vịnh Mè-Tây-Cơ. Ngày 1 tháng 1, 1969 CVS-16 được cải danh là CVT-16 và vẫn tiếp tục nhiệm vụ thả đáp tàu *carrier qualification (CQ)* cho *naval aviator* 22 năm nữa. Cho đến ngày 8 tháng 11, 1991

---

mẫu hạm giải nhiệm và được đưa về làm *USS Lexington Museum on the Bay*, Tàu Bảo Tàng trong Vịnh *Corpus Christi, Texas*. 1989 *USS Kitty Hawk* (CV-63) được lệnh thay thế CVT-16 nhưng vẫn ở trong vịnh nhà *San Diego, California*. Đến 1992 *USS Forrestal* (CV-59) mới thật sự vào Vịnh *Gulf of Mexico*, đến 11 tháng 9, 1993 thì giải nhiệm.

BCH Huấn luyện Phi hành Căn bản *Naval Air Basic Training Command* trước ở *Pensacola*, sau đó sáp nhập với BCH Cao huấn Phi hành thành một Bộ Chỉ huy Huấn luyện Phi hành HQHK *Naval Air Training Command*, đặt trụ sở tại Căn cứ *Corpus Christi, Texas*.

Năm 1971, Căn cứ *NAS Pensacola* được chọn làm tổng hành dinh cho Bộ Chỉ huy Giáo dục và Huấn luyện HQHK *Chief of Naval Education and Training*, điều khiển và kiểm soát mọi hoạt động và tổ chức giáo dục và huấn luyện trong quân chủng Hải quân Hoa Kỳ.

Năm 2003, Bộ này được đổi thành Bộ Tư lệnh Giáo dục và Huấn luyện Hải quân *Naval Education and Training Command*.

Theo Chương trình MAP Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ, Không Lực Việt Nam Cộng Hòa đã gửi sang một toán gồm 3 Sĩ quan và 32 Sinh viên Sĩ quan Không quân thuộc Khóa 61 vĩnh lòng để theo học ngành Phi công Khu trục Cánh quạt, là những khóa sinh VN đầu tiên tại Trường *Pensacola* này.

#### **Danh sách khóa 61 Navy**

Trúy Hoàng Thanh Nhã	Nguyễn Tiến Thành
Thúy Bùi Tam Kỳ	Nguyễn Văn Bé
Thúy Lê Thành Hòa	Nguyễn Trí Kiên *
Đào Trọng Chí	Hồ Viết Thanh
Nguyễn Quang Lâm	Phạm Xuân Thu *
Nguyễn Huy Bồng *	Hồ Kim Giàu
Dan Hoài Hữu	Nguyễn Đình Nghị *
Vũ Hiệp *	Nguyễn Văn Nhơn
Nguyễn Văn Phong	Nguyễn Đức Chương
Võ Ngọc Trinh *	Thang Quát Phan *
Hồ Kế	Nguyễn Văn Phú *
Lê Văn Lâm *	Lê Trai
Võ Văn Truong *	Trần Văn Việt
Phạm Đình Anh	Nguyễn Văn Tám
Phạm Đăng Cường	Đặng Hùng Thiết
Cao Minh Dũng *	Đào Công Trực
Lê Như Hoàn	Nguyễn Việt Tước
Nguyễn Đình Quý *	

\* Hiệp, Trinh, Nghị tử nạn trong lúc huấn luyện. Bồng hy sinh trong một phi vụ hành quân vùng Tuy Hòa, Lâm tử nạn trực thăng trong lúc biệt phái tại Bình Thủy, Cần Thơ, Trương hy sinh trong một phi vụ oanh kích ở Tây-Nam Sài-Gòn Dũng hy sinh trong phi vụ hành quân ở Vùng I, Quý tử nạn sau một phi vụ hành quân về đáp ở Đà-Nẵng, Kiên rớt F-5 lúc cất cánh từ Biên-Hòa đi hành quân, Thu đã hy sinh trong vụ pháo kích Bộ Chỉ huy Tiền phương Phước Long, Phan tử nạn trên F-5 trong phi vụ oanh kích Lộc-Ninh, Phú tử nạn lúc về đáp ở Đà-Nẵng sau khi hành quân.

Đ/tá Hoàng Thanh Nhã nguyên Không đoàn trưởng KD23CT, Tr/tá Lê Như Hoàn nguyên Trưởng Khối Đặc trách Khu trực/ TMP Hành quân/ BTLK.

### **Danh sách khóa 62B Navy**

Nguyễn Thế Tế *	Trần Văn Toàn
Phạm Bình An	Trần Văn Xá
Nguyễn Văn Linh	

\*Tế hy sinh trong một phi vụ BẮC PHẠT.

Tr/tá An là Trưởng Khối Nghiên cứu/ TMP Hành quân/ BTLKQ

### Danh sách khóa 63A Navy

Nguyễn Đỗ Toàn (Lắc)	Phạm Trung Quân
Trần Thanh Vân (Cào Cò)	Nguyễn Kim Chung
Trần Văn Nghiêm (PDT 516)	Bùi Văn Quý
Vũ Ngọc Liên	Tạ Thượng Tú
Ngô Đức Cửu	Bùi Vy
Nguyễn Kiêm	Nguyễn Lê
Phạm Văn Thặng (Fulro) *	Trần Hữu Quang
Nguyễn Văn Phú (Cà Chua)	Trần Kiêm Tuấn
Trần Ngọc Hà (Cà Chớn)	Nguyễn Khoa Phiên
Nguyễn Công Bình	Triệu Ngọc Trinh
Bùi Ngọc Bình *	Nghiêm Ngọc Ân
Nguyễn Trung *	Trần Nhật Thặng
Cao Văn Luy	Ngô Văn Trung
Lê Ngọc Yên	Khổng Hữu Trí
Bùi Đại Giang *	Mai Tiến Đạt
Nguyễn Phúc Hưng	Trần Hữu Dụng
Diệp Thanh Tú	Dương Bá Trát

\*Thặng hy sinh trong phi vụ hành quân ở Kontum, Bùi Ngọc Bình hy sinh trong phi vụ đánh *napalm* ở Tây Ninh, Nguyễn Trung hy sinh trong phi vụ hành quân, Giang hy sinh trong phi vụ hành quân ở Hồ Bò, Bình Dương.

Tr/tá Dương Bá Trát nguyên PDT PĐ514 Phượng Hoàng, Th/tá Trần Văn Nghiêm nguyên PDT PĐ516 Phi Hồ.

### Danh sách 64A/ B Navy

Đinh Văn Sơn	Đỗ Minh Tăng
Trần Lợi Tường	Trần Việt Hung
Bùi Văn Thắng	Lê Thuận Lợi
Lưu Kim Thanh *	Dương Bá Khôi
Lại Tân Tòn	Koan Châu Đạt
Đàm Chí Dzũng *	Lương Khánh Nam
Lê Hưng Long	Nguyễn Văn Trang
Nguyễn Điền Phong *	Cản Thanh Cát *
Võ Hữu Huy	Nguyễn Thanh Bửu
Đỗ Tín *	Trần Văn Mười
Bùi Văn Tài	Lê Văn Sang
Lê Văn Ngoặt	Trần Chúc
Đinh Quang Cứ	Nguyễn Đình Thịnh
Trần Thu Thủy	Nguyễn Đại Điền

\*Thanh hy sinh trong phi vu hành quân tại Phước Long, Bà Rá, Dzũng hy sinh trong phi vu hành quân trên phi trường Bình Thủy, Phong hy sinh trong phi vu hành quân vùng I, Tín tử nan ở Biên Hòa, Cát hy sinh ở Pleiku

## Danh sách 65A Navy



Chữ Quân Anh	Võ Hiếu Liêm
Lương Tú Cường	Nguyễn Huy Lộc
Vũ Việt Dũng	Đoàn Phan
Lê Chiêu Hiền *	Nguyễn Công Phúc
Đỗ Phụng Hoàng	Tăng Tấn Tài *
Nguyễn Cao Hùng *	Trần Văn Tám
Phạm Đinh Khuông	Vũ Thê *
Huỳnh Văn Lài *	Phạm Công Thành *

\*Thê tử nạn trong lúc huấn luyện, Hùng hy sinh ở chiến trường An Lộc, Bình Long, Lài ở Phước Long, Bà Rá, Hiền ở Vũng Rô, Tài ở Mỹ-Tho, Thành ở Biên-Hòa

#### Danh sách 65C Navy

Lê Đình Hải	Lê Văn Tiên
-------------	-------------

#### Danh sách 65D Navy

Nguyễn Hữu Ân *	Trần Hoán
Hồ Văn Du	Nguyễn Văn Sao
Nguyễn Trọng Đức	Nguyễn Văn Tỷ

\*Ân tử nạn ở vòng đai phi trường Pleiku 1969 sau phi vụ hành quân

Khóa sau này là những SVSQ/KQVNCH cuối cùng thụ huấn với US Navy. Sau đó, không còn ai được gởi sang Pensacola nữa.

Một điểm nữa là hình như từ các khóa 64 đến 65 thì VT-2 và VT-3 huấn luyện giống nhau, trừ việc nhà ở và sân bay khác nhau.



Căn bản Phản lực VT-4 *Warbuck*



Trường Căn bản Phản lực VT-4



*F-5 en échelon refusé*



**Hợp đoàn ngang cánh 12 phi cơ của Patrouille de France**

Hợp đoàn Phi diễn 12 chiếc A-1 bay ngang cánh (*échelon refusé*) là đội hình biểu dương lực lượng mà Tr/tá Phạm Long Sưu đã dẫn sau khi triệt hạ căn cứ địch trong rừng Tân Thanh ở Chiến khu D vào sáng 1-11-1964. Cố Đ/tá P.L.Sưu vừa mới qua đời ngày 2-7-2011 ở Nam California.



Trường Đáp Hàng Không Mẫu Hạm VT-5

Trường VT-6 Shooters Võ Lòng Multi-Engine

*phượng hoàng kim cương*  
Tết Nhâm Thìn 2012  
viết mừng ngày Khóa 62 SVSQKQ  
50 năm Nhập Ngũ

Chú thích:

Những chữ viết xiên là thuật ngữ bằng tiếng ngoại quốc mà tiếng Việt không thể diễn đạt một cách ngắn gọn được. Sau đây là những chú thích về tên của các địa danh hoặc những kỹ thuật chuyên môn:

- (1) Hải quân Th/tá Godfrey DeCourcelles Chevalier, xuất thân từ Võ bị Hải quân HK 6/1910, lấy bằng phi công HQ Naval Air Pilot số 7 ngày 7/11/1915 và bằng hoa tiêu Naval Aviator số 7 ngày 7/11/1918,
- (2) Đề đốc Rear Admiral Albert Cushing Read, thủ khoa khóa 1907 Võ bị Hải quân HK và một trong những người đầu tiên đã thụ huấn tại Trường Pensacola, bằng hoa tiêu Hải quân Naval Aviator số 24
- (3) Đô đốc Tư lệnh HQHK trẻ nhứt lúc bấy giờ và cũng là hoa tiêu hải quân đã thụ huấn tại NAS Pensacola, Admiral Forrest Percival Sherman (cho đến 1970 Đô đốc Elmo Zumwalt lên làm Tư lệnh HQHK mới chiếm lấy cương vị Tư lệnh trẻ nhứt).
- (4) Đô đốc John Smith “Jimmy” Thach đã phát minh ra kiểu hợp đoàn chiến đấu này, được mang tên Ông, để chống phá thế thượng phong của chiến đấu cơ địch vào Thế chiến II. Ông là một naval aviator, chiến thuật gia không chiến (air combat tactician) của Hải quân Phi hành HK.

## CÁI LON BIA

Có người cho rằng cuộc chiến Việt Nam như giọt cường toan chảy lững lờ trên da thịt người con gái.

Dù súng đạn đã im hơi, lặng tiếng, hòa bình (!) đã trở về trên quê hương xinh đẹp, nhưng đối với người Việt Nam với nhau, cuộc chiến vẫn còn, vết thương vừa kéo da non, gỡ mày máu sẽ rộn ra ngay dù ở phía nào kẻ chiến thắng người chiến bại đều cùng chung một vết thương.

*"Người Mỹ rút ra khỏi Việt Nam, nhưng còn lâu cuộc chiến Việt Nam mới rút ra khỏi đời sống người Mỹ"*

Người Mỹ bỏ bạn đồng minh Việt Nam, dồn tất cả vũ khí tái viện trợ cho Do Thái chống lại khôi Ả Rập, nắm lấy quyền lợi dầu lửa chiến lược. Cuộc chiến tranh Iraq đã được chuẩn bị từ bốn thập niên về trước, đạo diễn là tên tội phạm chiến tranh Henry Kissinger, một tên Do Thái.

Hơn ba chục năm về trước, nhìn lên truyền hình thấy dân chúng miền Trung Việt Nam rút chạy khỏi Đà Nẵng, đa số đàn bà và trẻ em, họ chạy dưới làn mưa đại pháo của Cộng Sản Bắc Việt không còn chút tình người, Henry Kissinger buông lời: "Why don't these people die fast" (sao chúng không chết phúc cho rồi).

Sau này nếu biết học vị tiến sĩ và giải Nobel hòa bình, Kissinger bước lên thiên đàng tôi sẽ nguyên rùa Thượng Đế, cũng như tôi đã căm phẫn tột độ với hội đồng tuyển chọn trao giải Nobel Hòa Bình cho Henry Kissinger và Lê Đức Thọ (tự Sáu Búa), trao bằng "*Tiết Hạnh Khả Phong*" cho hai mụ tú bà! Hội đồng đã tuyên dương sự xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt và bình thản nhìn toàn thể dân miền Nam rơi vào hỏa ngục.